

Số: **15** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **29** tháng **01** năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần

Thực hiện Quyết định số 18/QĐ-TTr ngày 02/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần, trong các ngày 08 và ngày 09/01/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 21/01/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 31/3/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/8/2023.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: khai thác thủy sản biển.

- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp gồm: văn phòng doanh nghiệp và 02 chi nhánh hạch toán phụ thuộc: Chi nhánh Seaprodex Lâm Đồng - Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP (sau đây gọi là Chi nhánh Lâm Đồng) và Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng - Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP (sau đây gọi là Chi nhánh Hải Phòng).

- Điện thoại giao dịch: 028 3829 1924; Fax: 028 3829 0146.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các tài khoản giao dịch:

+ Tài khoản số 0071000005205 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 1600311000053 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

- Doanh nghiệp đã thành lập công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp:

TT	Tên đơn vị	Tổng số lao động năm 2022		Tổng số lao động Tính tại thời điểm ngày 31/12/2023	
		Tổng	Nữ	Tổng	Nữ
1	Văn phòng doanh nghiệp	46	21	39	22
2	Chi nhánh Lâm Đồng	23	08	23	08
3	Chi nhánh Hải Phòng	12	05	12	05
	Tổng	81	34	74	35

- Tình hình sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (triệu đồng)		Năm 2023 (triệu đồng)	
		KH	TH	KH	TH
1	Tổng giá trị tài sản		2.243.529		1.968.333
2	Tổng nguồn vốn kinh doanh		2.243.529		1.968.333
3	Tổng doanh thu	182.945	216.234	166.828	170.330
4	Tổng chi phí	87.224	109.557	87.598	86.230
5	Tổng thu - tổng chi (chưa có lương)	115.215	87.825	70.906	68.388
6	Lợi nhuận	95.470	106.677	79.230	84.100
7	Nộp ngân sách nhà nước		28.127		

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Chưa thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Đã ban hành quy chế tuyển dụng theo Quyết định số 369/QĐ-TSVN-TCHC ngày 02/5/2012 của Tổng giám đốc doanh nghiệp; quy chế đào tạo, bồi



dưỡng cán bộ, nhân viên Tổng Công ty theo Quyết định số 403/QĐ-TSVN-TCHC ngày 21/11/2023 của Tổng giám đốc doanh nghiệp.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động hằng năm.

- Các quy định (hoặc phân cấp) về ký kết hợp đồng lao động: Tổng giám đốc doanh nghiệp trực tiếp ký hợp đồng lao động đối với người lao động làm việc tại văn phòng doanh nghiệp và ủy quyền cho Giám đốc các chi nhánh thực hiện ký kết hợp đồng lao động với người lao động làm việc tại chi nhánh sau khi được Tổng giám đốc đồng ý chủ trương tuyển dụng lao động mới.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 02 người (01 người là thành viên hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; 01 người là Trưởng ban kiểm soát).

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 72 người. Doanh nghiệp đã giao kết hợp đồng lao động đối với 72 người, cụ thể:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 64 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 08 người.

- Doanh nghiệp không sử dụng người lao động thuê lại.

- Kiểm tra hợp đồng lao động đã giao kết với 05 người lao động làm việc trực tiếp tại Chi nhánh Lâm Đồng (K'Jang, K'Briu, KSor Y Sung, K' Chương và Nguyễn Thị Thắm), nội dung hợp đồng lao động chưa thể hiện cụ thể quyền, nghĩa vụ của các bên giao kết: mục công việc phải làm ghi "theo sự phân công của Trưởng cơ sở Kala"; mục hình thức trả lương ghi "theo quy chế phân phối tiền lương và thu nhập của chi nhánh".

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không có lao động bị mất việc làm.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp có 06 lao động thôi việc (năm 2022 có 06 người là ông Lê Viết Lộc, ông Trần Hữu Hạnh, Kiều Thanh Vân, K'Bráo, Nguyễn Thanh Hiền và K'Viên; năm 2023 không có người thôi việc). Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 02 người lao động (ông Lê Viết Lộc và ông Trần Hữu Hạnh) đủ điều kiện hưởng với tổng số tiền là 203.399.250 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể

- Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc theo quy định.

- Đã xây dựng và ban hành thoả ước lao động tập thể ngày 22/3/2021. Nội dung của thoả ước lao động tập thể có thoả thuận có lợi hơn so với quy định của pháp luật lao động, cụ thể: trợ cấp khó khăn, thăm hỏi ốm đau; tặng quà khi người lao động kết hôn, sinh con, nghỉ hưu, ngày Tết trung thu; tặng quà cho người lao động nữ ngày 8/3, người lao động là cựu quân nhân ngày 22/12, người lao động là con liệt sỹ; tặng quà cho các cháu là con người lao động có thành

tích học tập tốt, các cháu thiếu nhi ngày 01/6; chế độ tham quan, nghỉ mát; chế độ phúng viếng tứ thân phụ mẫu. Các nội dung còn lại hầu hết là sao chép lại các quy định của pháp luật lao động.

- Hồ sơ xây dựng thỏa ước lao động tập thể: doanh nghiệp đã gửi bản dự thảo thỏa ước lao động tập thể tới các bộ phận để lấy ý kiến người lao động. Tuy nhiên, không có thông báo bằng văn bản của một bên cho bên kia biết về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể; chưa có biên bản phiên họp thương lượng tập thể (chỉ có biên bản hội nghị người lao động).

- Đã thực hiện theo các nội dung đã thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp.

- Đã gửi thỏa ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo Quyết định số 357/QĐ-TSVN-HCNS ngày 23/9/2015 của Tổng giám đốc.

5. Tiền lương và trả công lao động

5.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động

- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Mức lương bình quân (MLBQ) theo thang lương, bảng lương của người lao động:

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lao động	MLBQ (Tr.đ)	Số lao động	MLBQ (Tr.đ)
Lao động quản lý	13	17,3	13	20,3
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	26	8,6	26	8
Công nhân trực tiếp sản xuất, kinh doanh	25	7,2	25	7,2
Nhân viên thừa hành, phục vụ	04	6,6	04	6,6

- Mức phụ cấp lương bình quân (MPCBQ) tại doanh nghiệp (chỉ có phụ cấp trách nhiệm).

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lao động	MPCBQ (Tr.đ)	Số lao động	MPCBQ (Tr.đ)
Trách nhiệm	03	1,828	02	1,446

5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Hằng năm, khi xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, kế hoạch sử dụng lao động và quỹ tiền lương thực hiện, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh

nghiệp đã đề xuất, xin ý kiến về các chỉ tiêu xây dựng, nguyên tắc xây dựng quỹ tiền lương với cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước (Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước).

- Quỹ tiền lương kế hoạch:

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 theo Nghị quyết số 26/NQ-TSVN-HĐQT ngày 10/3/2022 của Hội đồng quản trị là 16 tỷ đồng.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 theo Nghị quyết số 07/NQ-TSVN-HĐQT ngày 22/2/2023 của Hội đồng quản trị là 12,9 tỷ đồng.

- Quỹ tiền lương thực hiện:

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 theo Nghị quyết số 07/NQ-TSVN-HĐQT ngày 22/2/2023 của Hội đồng quản trị là 17,3 tỷ đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023: chưa được phê duyệt.

- Doanh nghiệp đã thực hiện việc đăng ký, báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện với đại diện chủ sở hữu theo quy định.

- Hình thức trả lương đang áp dụng: trả lương theo thời gian.

- Xây dựng quy chế trả lương, quy chế thưởng: đã xây dựng quy chế quản lý lao động và phân phối thu nhập ban hành kèm theo Quyết định số 91/QĐ-TSVN-HĐQT ngày 04/6/2019 của Hội đồng quản trị.

- Việc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện đối với người lao động: căn cứ kết quả phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện và quy chế quản lý lao động và phân phối thu nhập, doanh nghiệp quyết toán tiền lương cho người lao động.

+ Năng suất lao động kế hoạch bình quân năm 2022 là 141,19 triệu đồng/người/tháng, năng suất lao động thực hiện bình quân năm 2022 là 157,36 triệu đồng/người/tháng, bằng 111,5% năng suất lao động bình quân kế hoạch.

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2022 là 19,608 triệu đồng/người/tháng, tiền lương thực hiện bình quân năm 2022 là 21,201 triệu đồng/người/tháng, bằng 108,1 % tiền lương bình quân kế hoạch.

- Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ, ngày lễ, làm việc vào ban đêm theo quy định.

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc: không phát sinh do người lao động đã nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh người lao động ngừng việc; không thực hiện xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương, khấu trừ tiền lương người lao động.

5.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca: doanh nghiệp chi tiền ăn ca cho người lao động với mức 730.000 đồng/người/tháng, thanh toán tiền ăn ca cùng với kỳ trả lương hằng tháng.

- Các khoản phụ cấp khác: không.
- Tiền lương và thu nhập bình quân của người lao động như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng/người/tháng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022			Năm 2023		
		Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Mức lương	22,7	9,8	5	22,7	10,1	5
2	Phụ cấp	0,74	0,61	0,38	0,74	0,72	0,7
3	Tiền thưởng	23	22	10,5	22,5	5,6	4,1
4	Thu nhập khác	36,5	7,8	3,6	12,5	4,3	0,8

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

5.2.1. Tiền lương

- Số lượng người quản lý chuyên trách tại thời điểm thanh tra là 05 người, trong đó: Tổng giám đốc và 02 phó Tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng, 01 Trưởng ban Kiểm soát.

- Người quản lý không chuyên trách: 07 người (05 người là thành viên Hội đồng quản trị, 02 người là thành viên ban kiểm soát).

- Đã báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý với đại diện chủ sở hữu.

- Đã xin ý kiến của người đại diện phần vốn nhà nước đối với cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý.

- Đã xây dựng riêng quỹ tiền lương, quỹ thù lao của người quản lý.

- Quỹ tiền lương kế hoạch:

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 theo Nghị quyết số 26/NQ-TSVN-HĐQT ngày 10/3/2022 của Hội đồng quản trị là 3.240 triệu đồng, quỹ thù lao là 552 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 theo Nghị quyết số 07/NQ-TSVN-HĐQT ngày 22/2/2023 của Hội đồng quản trị là 3.240 triệu đồng, quỹ thù lao là 552 triệu đồng.

- Quỹ tiền lương thực hiện:

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 theo Nghị quyết số 07/NQ-TSVN-HĐQT ngày 22/2/2023 của Hội đồng quản trị là 3.880 triệu đồng, quỹ thù lao là 552 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023: chưa được phê duyệt.

- Phân phối tiền lương đối với người quản lý: tiền lương thực hiện của người quản lý như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương (Triệu đồng/người/tháng)	
			Năm 2022	Năm 2023
1	Mai Xuân Phong	Tổng Giám đốc	81	60
2	Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	70	50
3	Lê Vĩnh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	71	45
4	Vũ Thị Hồng Gấm	Kế toán trưởng	54	41
5	Trần Phước Thái	Trưởng ban kiểm soát	50	35

- Thù lao của người quản lý không chuyên trách: doanh nghiệp đã xây dựng quỹ thù lao của người quản lý và được Đại hội đồng cổ đông thông qua, doanh nghiệp chi thù lao của người quản lý không chuyên trách theo đúng mức đã được phê duyệt.

- Phân phối tiền thù lao thực hiện của người quản lý như sau:

Họ tên	Chức danh	Thù lao (Triệu đồng/người/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
Hoàng Ngọc Thạch	Chủ tịch HĐQT	10	10
Đình Tiến Long	Thành viên HĐQT	7	7
Trương Bảo Kim	Thành viên HĐQT đến T9/2023	7	7
Huỳnh Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT đến T9/2023	7	7
Mai Xuân Phong	Thành viên HĐQT	7	7
Lương Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT từ T10/2023	-	7
Bùi Thị Thanh An	Thành viên HĐQT từ T10/2023	-	7
Trần Thanh Tuấn	Kiểm soát viên	4	4
Đặng Phương Lan	Kiểm soát viên	4	4

5.2.2. Tiền thưởng

- Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng của người quản lý:

+ Quỹ khen thưởng năm 2022 là 485 triệu đồng, theo Nghị quyết số 39/NQ-DHĐCĐ ngày 27/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông.



+ Quỹ khen thưởng năm 2023: chưa trích (do chưa đến kỳ phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2023).

- Việc xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng:

+ Đã xây dựng quy chế quản lý lao động và phân phối thu nhập ban hành kèm theo Quyết định số 91/QĐ-TSVN-HĐQT ngày 04/6/2019 của Hội đồng quản trị.

+ Chưa xây dựng quy chế trả thù lao đối với người quản lý.

- Phân phối tiền thưởng đối với người quản lý:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền thưởng (Triệu đồng/người/tháng)	
			Năm 2022	Năm 2023
1	Mai Xuân Phong	Tổng Giám đốc	9,1	9
2	Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	7,6	7,3
3	Lê Vĩnh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	6,9	6,6
4	Vũ Thị Hồng Gấm	Kế toán trưởng	5,7	6,1
5	Trần Phước Thái	Trưởng ban kiểm soát	5,5	5,3

5.2.3. Thu nhập

Các khoản thu nhập khác: không.

5.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Đã tham gia ý kiến với hội đồng quản trị để quyết định phê duyệt kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động, tiền thưởng của người lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người quản lý, thù lao và tiền thưởng của người quản lý.

- Đã báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động, tiền thưởng của người lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người quản lý, thù lao và tiền thưởng của người quản lý trước khi có ý kiến với hội đồng quản trị.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về tình hình thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của năm trước và kế hoạch của năm tiếp theo sau khi được đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị thông qua.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước kết quả giám sát chung về thực hiện lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người đại diện phần vốn nhà nước.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần đối với khối văn phòng (nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật); 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần đối với bộ phận sản xuất tại các chi nhánh.

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm quy định (không quá 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm).

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm (chưa tính thâm niên) đối với toàn bộ người lao động.

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động ngày 10/10/2016.

- Nội quy lao động có nội dung không theo quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Điểm 2 Mục I nội quy lao động quy định đối tượng thực hiện là người sử dụng lao động và người lao động làm việc tại văn phòng doanh nghiệp, kể cả người học nghề, tập nghề, chưa đề cập đến đối tượng là người lao động tại 02 chi nhánh của doanh nghiệp.

+ Điểm 4.1 Mục II quy định người lao động làm việc đủ 12 tháng mới được nghỉ phép năm là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 113 Bộ luật Lao động.

- Nội quy lao động không có nội dung theo quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Không quy định cụ thể người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.

+ Không quy định về trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động.

+ Không quy định về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

+ Điểm 4.1 Mục II quy định người lao động làm việc đủ 12 tháng mới được nghỉ phép năm.

- Chưa gửi bản nội quy lao động đã đăng ký với Sở LĐTBXH Thành phố Hồ Chí Minh đến cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở của chi nhánh theo quy định.

- Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 35 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

+ Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc và được hưởng nguyên lương; lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc và được hưởng nguyên lương.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

- Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người lao động nước ngoài, lao động là người khuyết tật

Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật.

8.3. Đối với người lao động cao tuổi

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp sử dụng 03 người lao động cao tuổi và đang hưởng chế độ hưu trí (Bùi Ngọc Ánh, Đinh Thị Kim Phụng, Phạm Thị Quế) làm việc tại văn phòng doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp thỏa thuận với người lao động tại hợp đồng lao động đã giao kết về thời gian làm việc 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Không sử dụng lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

- Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

- Đã bố trí 01 người lao động kiêm nhiệm làm công tác an toàn, vệ sinh lao động (ông Ngô Quang Trãi – Phó trưởng phòng Hành chính nhân sự).

- Đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa quốc tế Sài Gòn để bảo đảm công tác y tế tại doanh nghiệp.

- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 02 máy, thiết bị (01 hệ thống lạnh tại Chi nhánh Hải Phòng; 01 thang máy chở người tại văn phòng làm việc của doanh nghiệp) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

- Chưa thực hiện huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người sử dụng lao động và người lao động theo quy định (74 người).

- Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo quy định.

- Việc thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại: không phát sinh.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.

- Chưa thực hiện quan trắc môi trường lao động hằng năm theo quy định.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm cho toàn bộ người lao động, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản; người lao động cao tuổi đã được khám ít nhất 06 tháng/lần.

- Đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người lao động theo quy định.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 70 người.

+ Số người đã tham gia: 70 người.

+ Số người chưa tham gia: 0 người.

- Số người thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 71 người.

+ Số người đã tham gia: 71 người (trong đó có 01 người lao động là ông Nguyễn Chí Đoàn đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế tại đơn vị khác).

+ Số người chưa tham gia: 0 người.

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 03 người lao động đang hưởng chế độ hưu trí và 01 người lao động đang tham gia tại đơn vị khác.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp.

- Số tiền phải đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 11/2023: 260.370.061 đồng. Số tiền chậm đóng: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã ban hành quy chế tuyển dụng, quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên làm cơ sở tuyển dụng và đào tạo lao động.

1.3. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.5. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.6. Đã ký và gửi thỏa ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh; đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết.

1.7. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.8. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động và quy chế thưởng.

1.9. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định.

1.10. Đã thực hiện quy định về ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động tại doanh nghiệp.

1.11. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động, mức 730.000 đồng/người/ca làm việc.

1.12. Đã thực hiện chế độ tiền lương, thu nhập đối với người quản lý theo quy định.

1.13. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm về lao động.

1.14. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

1.15. Doanh nghiệp không có trường hợp người lao động bị xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất; không phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.16. Doanh nghiệp sử dụng 35 người lao động nữ và đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.17. Doanh nghiệp sử dụng 03 người lao động cao tuổi và đã thực hiện các chế độ đối với lao động cao tuổi.

1.18. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.19. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.20. Đã bố trí bộ phận làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và bộ phận làm công tác y tế theo quy định.

1.21. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.22. Đã xây dựng và ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.23. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.24. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.25. Đã khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.26. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.27. Đã trích đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.

2.2. Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với 05 người lao động làm việc tại Chi nhánh Lâm Đồng (K'Jang; K'Briu, KSor Y Sung, K' Chương và Nguyễn Thị Thắm) chưa thể hiện rõ quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết: mục công việc phải làm ghi “theo sự phân công của Trưởng cơ sở Kala”; mục hình thức trả lương ghi “theo quy chế phân phối tiền lương và thu nhập của chi nhánh” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động; Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của

đại diện tập thể lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng là không đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.4. Chưa xây dựng quy chế trả thù lao đối với người quản lý theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2.5. Nội quy lao động có nội dung không theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Điểm 2 Mục I quy định đối tượng thực hiện chưa đề cập đến đối tượng là người lao động tại 02 chi nhánh của doanh nghiệp là không đúng quy định tại Điều 117, Điều 118 Bộ luật Lao động.

- Điểm 4.1 Mục II quy định người lao động làm việc đủ 12 tháng mới được nghỉ phép năm là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 113 Bộ luật Lao động.

2.6. Nội quy lao động không có nội dung theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Không quy định cụ thể người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Không quy định về trường hợp được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Không quy định về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc; trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.7. Chưa gửi bản nội quy lao động đã đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở của chi nhánh theo quy định tại khoản 4 Điều 119 Bộ luật Lao động.

2.8. Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.9. Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.10. Chưa thực hiện huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.11. Chưa thực hiện quan trắc môi trường lao động hằng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp do đã thực hiện 03 hành vi vi phạm hành chính với tổng số tiền xử phạt là 82.000.000 đồng, cụ thể:

- Không báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, số tiền xử phạt là 2.000.000 đồng.

- Không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 72 người lao động theo quy định của pháp luật tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động, số tiền xử phạt là 40.000.000 đồng.

- Không tiến hành quan trắc môi trường lao động để kiểm soát tác hại đối với sức khỏe người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật An toàn, vệ sinh lao động, số tiền xử phạt là 40.000.000 đồng.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Chấp hành nghiêm Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xử phạt vi phạm hành chính.

2. Khắc phục các vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục ngay vi phạm nêu tại điểm 2.10 và 2.11.

- Khắc phục vi phạm nêu tại điểm 2.1 khi phát sinh.

- Khắc phục các vi phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này, doanh nghiệp báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện Kết luận thanh tra (gửi kèm các văn bản, hồ sơ có liên quan) gửi về Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

